

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
AN TIEN INDUSTRIES  
AN TIEN INDUSTRIES  
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 300703/2026/TB - HII  
No.: 300703/2026/TB - HII

Lào Cai, ngày 30 tháng 07 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *HCM Stock Exchange*

**I. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần An Tiến Industries**

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: HII
- Địa chỉ/*Address*: Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0216 3 853 886 – 0216 3 856 555
- E-mail: [info@antienindustries.com](mailto:info@antienindustries.com)

**II. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

- Báo cáo tình hình quản trị Công ty niên yết (Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026)  
*Report on Corporate governance (Period: The first 6 months of 2026)*

**III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn [www.antienindustries.com](http://www.antienindustries.com)/This information was published on the company's website on 30/07/2026 (date), as in the link [www.antienindustries.com](http://www.antienindustries.com)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

**Đại diện tổ chức  
Organization representative  
Người được ủy quyền công bố thông tin**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
AN TIỀN INDUSTRIES  
AN TIEN INDUSTRIES JOINT  
STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 3007/2026/HII – BCQT  
No: 3007/2026/HII – BCQT

Lào Cai, ngày 30 tháng 07 năm 2026  
Lao Cai, July 30<sup>th</sup>, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT  
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Kỳ báo cáo/ Period: 6 tháng đầu năm 2026/The first 6 months of 2026)

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên công ty/ *Name of company*:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIỀN INDUSTRIES  
AN TIEN INDUSTRIES JOINT STOCK COMPANY**
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of head office*: Khu công nghiệp phía Nam, Phường Văn Phú, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam/ *Southern Industrial Park, Van Phu Ward, Lao Cai Province, Vietnam*
- Điện thoại/ *Telephone*: 02163.853.886;
- Fax: 02163.851.123; Email: info@antienindustries.com
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 736.630.160.000 đồng
- Mã chứng khoán/ *Stock symbol*: HII
- Mô hình quản trị/ *Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/ *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director*.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ *The implementation of internal audit*: Đã thực hiện/ *Implemented*

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

| STT<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                          |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I          | 110502/2026/NQ – ĐHĐCĐ                               | 11/05/2026   | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><i>Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i> |

**II. Hội đồng quản trị  
Board of Directors**

**1. Thông tin về thành viên của Hội đồng quản trị*****Information about the members of the Board of Directors***

| STT<br>No | Họ tên<br>Name                                             | Chức vụ<br>Position                                                                                                          | Ngày bắt đầu/không còn là<br>Thành viên HĐQT<br><i>The date becoming/ceasing to<br/>be a member of the BOD</i> |                                                    |
|-----------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|           |                                                            |                                                                                                                              | Ngày bổ<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i>                                                             | Ngày miễn<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |
| 1         | Ông Nguyễn Trung<br>Kiên/ <i>Mr. Nguyen<br/>Trung Kien</i> | Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of BOD</i><br>(Thành viên HĐQT không điều hành/<br><i>Non – executive members of BOD</i> )        | 20/03/2020                                                                                                     |                                                    |
| 2         | Ông Ngô Văn Thụ/ <i>Mr.<br/>Ngo Van Thu</i>                | Thành viên HĐQT kiêm TGD/<br><i>BOD's member cum CEO</i><br>(Thành viên HĐQT điều hành/<br><i>Executive members of BOD</i> ) | 25/05/2022                                                                                                     |                                                    |
| 3         | Ông Hoàng Văn Vinh/<br><i>Mr. Hoang Van Vinh</i>           | Thành viên độc lập HĐQT<br><i>Independent member of BOD</i>                                                                  | 25/04/2025                                                                                                     |                                                    |

**2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị/ *BOD's meeting***

| STT<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>BOD's member</i>                 | Số buổi họp<br>HĐQT tham dự<br><i>Numbers of<br/>meetings attended<br/>by BOD</i> | Tỷ lệ tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Lý do không<br>tham dự<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Nguyễn Trung Kiên/<br><i>Mr. Nguyen Trung Kien</i> | 9/9                                                                               | 100%                                        |                                                          |
| 2          | Ông Ngô Văn Thụ/<br><i>Mr. Ngo Van Thu</i>             | 9/9                                                                               | 100%                                        |                                                          |
| 3          | Ông Hoàng Văn Vinh/<br><i>Mr. Hoang Van Vinh</i>       | 9/9                                                                               | 100%                                        |                                                          |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc*****Supervisory activities of the Board of Directors over the Board of Management***

- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược đề ra bởi HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

*Supervise the production and business operations to ensure compliance with the strategic direction set out by the Board of Directors (BOD) and approved by the General Meeting of Shareholders.*

- HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp để nắm bắt tình hình và định hướng sản xuất của công ty. HĐQT cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp để ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

*The Board of Directors has attended all meetings to stay updated on the situation and the company's production direction. The BOD also participates in all meetings to issue Resolutions/Decisions promptly for the BOM to implement.*

- Ngoài ra, HĐQT tham gia giám sát các hoạt động khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

*Additionally, the BOD participates in supervising other activities as required by the Law on Enterprises and the company's Charter*

#### **4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có)**

*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any)*

Hiện nay Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

*Currently, the Board of Directors of the Company has not established any subcommittees under the Board of Directors.*

#### **5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị**

*Resolutions/Decisions of the Board of Directors*

| STT<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                            | Tỷ lệ<br>Rate |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1          | 070102/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 07/01/2026   | Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2026<br><i>Approval of transactions between the Company and related parties arising in 2026</i> | 100%          |
| 2          | 020302/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 02/03/2026   | Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><i>Convening the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>                                                    | 100%          |
| 3          | 020402/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 02/04/2026   | Thông qua thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><i>Approval of the time and location for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>   | 100%          |
| 4          | 170402/2026/BB -<br>HĐQT                                   | 17/04/2026   | Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026<br><i>Approval of the documents of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>                        | 100%          |
| 5          | 230402/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 23/04/2026   | Thay đổi Người phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty<br><i>Change of the Person in Charge of Internal Audit of the Company</i>                                                    | 100%          |

| STT<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ<br>Rate |
|------------|------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 6          | 290402/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 29/04/2026   | Thông qua danh sách ứng viên được đề cử, ứng cử<br>vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị<br><i>Approval of the list of nominated candidates for<br/>the position of member of the Board of Directors</i> | 100%          |
| 7          | 280502/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 28/05/2026   | Ban hành Quy chế công bố thông tin<br><i>The promulgation of the Regulation on<br/>information disclosure</i>                                                                                              | 100%          |
| 8          | 290502/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 29/05/2026   | Thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền<br><i>Approval of the implementation of the 2025 cash<br/>dividend payment</i>                                                                                 | 100%          |
| 9          | 290602/2026/NQ -<br>HĐQT                                   | 29/06/2026   | Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài<br>chính của Công ty năm 2026<br><i>Approval of the selection of an auditor for the<br/>Company's financial statements in 2026</i>                         | 100%          |

### III. Ban kiểm soát/Board of Supervisors

#### 1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát/Information about members of BOS

| STT<br>No | Họ tên<br>Name                                       | Chức vụ<br>Position                   | Ngày bắt đầu/không còn là<br>Thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing to<br/>be the member of the BKS</i>                |                                               | Trình độ chuyên<br>môn<br>Qualification                                                   |
|-----------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                      |                                       | Ngày bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                                                                                        | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |                                                                                           |
| 1         | Bà Nguyễn Diệu Linh/<br><i>Mrs. Nguyen Dieu Linh</i> | Trưởng BKS<br><i>Head of BOS</i>      | 28/04/2021<br>(bổ nhiệm Trưởng<br>BKS từ ngày<br>25/04/2025/<br><i>appointing the<br/>Head of BOS from<br/>April 25, 2025)</i> |                                               | Thạc sỹ tài chính<br>đầu tư<br><i>Master of Science<br/>in Finance and<br/>Investment</i> |
| 2         | Bà Nguyễn Thủy Nga/<br><i>Mrs. Nguyen Thuy Nga</i>   | Thành viên BKS<br><i>BOS's member</i> | 25/04/2025                                                                                                                     |                                               | Thạc sỹ Tài chính<br>Ngân hàng<br><i>Master of<br/>Banking and<br/>Finance</i>            |

| STT<br>No | Họ tên<br>Name                                | Chức vụ<br>Position                   | Ngày bắt đầu/không còn là<br>Thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing to<br/>be the member of the BKS</i> |                                                       | Trình độ chuyên<br>môn<br><i>Qualification</i>               |
|-----------|-----------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
|           |                                               |                                       | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i>                                                                 | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |                                                              |
| 3         | Bà Đỗ Thảo Quyên/<br><i>Ms. Do Thao Quyen</i> | Thành viên BKS<br><i>BOS's member</i> | 25/04/2025                                                                                                      |                                                       | Thạc sỹ Luật<br>Kinh tế<br><i>Master of<br/>Economic Law</i> |

## 2. Cuộc họp của Ban kiểm soát/*BOS's meeting*

| STT<br>No. | Thành viên<br>Name                                   | Chức vụ<br>Position                   | Số buổi họp<br>BKS tham dự<br><i>Number of<br/>BOS's meeting<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Rate</i> | Lý do không dự<br>họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Nguyễn Diệu Linh/<br><i>Mrs. Nguyen Dieu Linh</i> | Trưởng BKS<br><i>Head of BOS</i>      | 2/2                                                                           | 100%                                |                                                         |
| 2          | Bà Nguyễn Thủy Nga/<br><i>Mrs. Nguyen Thuy Nga</i>   | Thành viên BKS<br><i>BOS's member</i> | 2/2                                                                           | 100%                                |                                                         |
| 3          | Bà Đỗ Thảo Quyên/<br><i>Ms. Do Thao Quyen</i>        | Thành viên BKS<br><i>BOS's member</i> | 2/2                                                                           | 100%                                |                                                         |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors*

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên kiểm soát trên các mặt hoạt động của Công ty, thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2026.

*In the first 6 months of 2026, BOS held meetings to assign specific tasks to each member in charge of monitoring various activities of the Company, and to agree on the control plan for 2026.*

- Hàng tháng, Trưởng Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp giao ban do Ban lãnh đạo tổ chức nhằm tăng cường hoạt động giám sát mọi lĩnh vực hoạt động trong toàn công ty.  
*Monthly, the Head of the BOS participates in the briefing meetings organized by the BOD and BOM to strengthen the monitoring of all operational areas across the company.*
- Hàng quý, Ban kiểm soát tiến hành kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá việc quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

Quarterly, the BOS conducts inspections of business operations, reviews financial reports, and evaluates the management and administration of the BOD and the BOM in implementing the business objectives in accordance with the resolutions of the General Meeting of Shareholders to ensure the legal rights of shareholders.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

***The coordination among the BOS, BOD, BOM and other managers***

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong Công ty, đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu, tạo điều kiện cho BKS thực hiện công tác kiểm soát mọi hoạt động trong Công ty.

*The coordination between the BOD, the BOM, and the BOS has been carried out effectively. The departments within the Company have actively cooperated, providing all required documents and facilitating the monitoring of all activities by the BOS.*

**5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát (nếu có)**

***Other activities of the BOS (if any)***

Không có/None

**IV. Ban Tổng Giám đốc**

***Board of Management***

| STT<br>No. | Thành viên<br>Name                         | Chức vụ<br>Position                                                                                  | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of<br>birth | Trình độ<br>chuyên môn<br>Qualification                           | Ngày bổ nhiệm/miễn<br>nhiệm thành viên ban<br>điều hành<br>Date of appointment/<br>dismissal of members<br>of the BOM |
|------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Ngô Văn Thụ/<br>Mr. Ngo Van Thu        | Tổng Giám đốc<br>CEO                                                                                 | 24/08/1982                                 | Kỹ sư hóa<br>hữu cơ<br>Organic<br>Chemical<br>Engineer            | Bổ nhiệm 01/03/2022<br>Appointed on 1 <sup>st</sup> ,<br>March 2022                                                   |
| 2          | Bà Nguyễn Thị Liên<br>Mrs. Nguyen Thi Lien | Phó Tổng Giám<br>đốc phụ trách<br>Kinh doanh<br>Deputy CEO in<br>charge of<br>Business<br>Operations | 29/08/1990                                 | Thạc sỹ quản<br>lý kinh tế<br>Master of<br>Economic<br>Management | Bổ nhiệm ngày<br>01/10/2025<br>Appointed on 1 <sup>st</sup> ,<br>October 2025                                         |

**V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant**

| STT<br>No. | Họ và tên<br>Name                                   | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên<br>môn nghiệp vụ<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm<br>Date of appointment/<br>dismissal        |
|------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1          | Nguyễn Thị Thu Nhân/<br>Mrs. Nguyen Thi Thu<br>Nhan | 12/02/1988                              | Cử nhân kinh tế<br>Bachelor of<br>Economics       | Bổ nhiệm ngày 25/04/2017<br>Appointed on 25 <sup>th</sup> April 2017 |

## **VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance***

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác đã tham gia các khóa học, các buổi tập huấn theo quy định về quản trị công ty. Ngoài ra, HĐQT còn sắp xếp và cử đại diện tham dự các khóa đào tạo, tập huấn do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tổ chức nhằm nâng cao tính tuân thủ của Công ty đối với các quy định do Nhà nước ban hành.

*Members of the BOD, BOS, CEO and, other management staff have participated in courses and training sessions as required by corporate governance regulations. Additionally, the BOD has arranged and appointed representatives to attend training sessions organized by the State Securities Commission and the Ho Chi Minh City Stock Exchange to enhance the Company's compliance with regulations issued by the government.*

**VII. Danh sách người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty**

*The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*

**1. Danh sách về người có liên quan của Công ty**

*The list of affiliated persons of the Company*

| ST<br>T<br>No. | Tên Tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i> | Tài<br>khoản<br>chứng<br>khoán<br><i>Securiti<br/>es<br/>trading<br/>account</i> | Chức vụ tại<br>Công ty/Quan<br>hệ (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if<br/>any)</i>                            | Giấy NSH<br><i>Citizen ID/<br/>Business<br/>Registration No.</i> | Ngày cấp<br><i>Date of<br/>issue</i> | Nơi cấp<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ<br><i>Address</i> | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br><i>Relationship with<br/>the Company</i> |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1.             | Nguyễn Trung<br>Kiên                                                      | -                                                                                | Chủ tịch HĐQT/<br><i>Chairman of<br/>BOD</i>                                                                             |                                                                  |                                      |                                  |                           | 20/03/2020                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 2.             | Ngô Văn Thụ                                                               | -                                                                                | Thành viên<br>HĐQT kiêm<br>Tổng giám đốc<br><i>BOD's member<br/>cum CEO</i>                                              |                                                                  |                                      |                                  |                           | 01/03/2022                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 3.             | Hoàng Văn<br>Vinh                                                         | -                                                                                | Thành viên độc<br>lập HĐQT<br><i>Independent<br/>member of BOD</i>                                                       |                                                                  |                                      |                                  |                           | 25/04/2025                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 4.             | Nguyễn Diệu<br>Linh                                                       | -                                                                                | Trưởng BKS,<br>Người phụ trách<br>kiểm toán nội bộ<br><i>Head of BOS,<br/>Person in<br/>charge of<br/>Internal Audit</i> |                                                                  |                                      |                                  |                           | 28/04/2021                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 5.             | Nguyễn Thùy<br>Nga                                                        | -                                                                                | Thành viên BKS<br><i>BOS's member</i>                                                                                    |                                                                  |                                      |                                  |                           | 25/04/2025                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |

| ST<br>T<br>No. | Tên Tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                   | Tài<br>khoản<br>chứng<br>khoán<br><i>Securiti<br/>es<br/>trading<br/>account</i> | Chức vụ tại<br>Công ty/Quan<br>hệ (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if<br/>any)</i>                                                                   | Giấy NSH<br><i>Citizen ID/<br/>Business<br/>Registration No.</i> | Ngày cấp<br><i>Date of<br/>issue</i> | Nơi cấp<br><i>Place of issue</i>                                                                                              | Địa chỉ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                                                               | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br><i>Relationship with<br/>the Company</i> |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 6.             | Đỗ Thảo Quyên                                                                               | -                                                                                | Thành viên BKS<br><i>BOS's member</i>                                                                                                                           |                                                                  |                                      |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                         | 25/04/2025                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 7.             | Nguyễn Thị<br>Liên                                                                          | -                                                                                | Phó Tổng Giám<br>đốc phụ trách<br>kinh<br>doanh/ <i>Deputy<br/>CEO in charge<br/>of Business<br/>Operations</i>                                                 |                                                                  |                                      |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                         | 01/10/2025                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 8.             | Nguyễn Thị Thu<br>Nhàn                                                                      | -                                                                                | Kế toán trưởng<br><i>Chief<br/>Accountant</i>                                                                                                                   |                                                                  |                                      |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                         | 25/04/2017                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 9.             | Dương Huy<br>Bình                                                                           | -                                                                                | Người phụ trách<br>quản trị Công ty,<br>Người được ủy<br>quyền CBTT<br><i>Company<br/>Administration<br/>Officer,<br/>Authorized<br/>Disclosure<br/>Officer</i> |                                                                  |                                      |                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                         | 05/04/2022                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ<br><i>Internal person</i>                                           |
| 10.            | Công ty Cổ<br>Phần An Thành<br>Bicsol<br><i>An Thanh Bicsol<br/>Joint Stock<br/>Company</i> | -                                                                                | -                                                                                                                                                               | 0801208793                                                       | 22/3/2017                            | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 10/03/2017                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty con<br><i>Subsidiary</i>                                                 |

| ST<br>T<br>No. | Tên Tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                                                        | Tài<br>khoản<br>chứng<br>khoán<br><i>Securiti<br/>es<br/>trading<br/>account</i> | Chức vụ tại<br>Công ty/Quan<br>hệ (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if<br/>any)</i> | Giấy NSH<br><i>Citizen ID/<br/>Business<br/>Registration No.</i> | Ngày cấp<br><i>Date of<br/>issue</i> | Nơi cấp<br><i>Place of issue</i>                                                                                              | Địa chỉ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                                                                    | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br><i>Relationship with<br/>the Company</i> |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 11.            | Công ty Cổ<br>phần Liên vận<br>An Tín<br><i>An Tin Inter -<br/>Transport Joint<br/>Stock Company</i>                             | -                                                                                | -                                                                                             | 0801177672                                                       | 16/03/2016                           | Sở KHĐT tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>                  | Lô CN11-CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br><i>Lot CN11 + CN12, An Dong<br/>Industrial Cluster, Nam Sach<br/>Commune, Hai Phong City,<br/>Vietnam</i>                                        | 25/7/2016                                                                                                           |                                                                                                                     |                         | Công ty con<br><i>Subsidiary</i>                                                 |
| 12.            | An Thanh<br>Bicsol<br>Singapore PTE<br>Ltd                                                                                       | -                                                                                | -                                                                                             | 201720061M                                                       |                                      | Singapore                                                                                                                     | Singapore                                                                                                                                                                                                                    | 18/07/2017                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty con<br><i>Subsidiary</i>                                                 |
| 13.            | Công ty Cổ<br>phần Dịch vụ<br>Suất ăn công<br>nghiệp An Phát<br><i>An Phat<br/>Catering<br/>Services Joint<br/>Stock Company</i> | -                                                                                | -                                                                                             | 0801352476                                                       | 26/03/2021                           | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i>      | 05/12/2022                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty liên kết<br><i>Associate</i>                                             |
| 14.            | Công ty Cổ<br>phần Sản xuất<br>PBAT An Phát<br><i>PBAT An Phat<br/>Joint Stock<br/>Company</i>                                   | -                                                                                | -                                                                                             | 0202084468                                                       | 18/01/2021                           | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư TP. Hải<br>Phòng<br><i>Hai Phong<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>               | Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan<br>và Khu Công nghiệp Nam Đình<br>Vũ, Phường Hải An, TP Hải<br>Phòng, VN<br><i>Lot CN5-04, Nam Dinh Vu<br/>Free Trade Zone and Industrial<br/>Park, Hai An Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 01/2022                                                                                                             |                                                                                                                     |                         | Công ty liên kết<br><i>Associate</i>                                             |
| 15.            | Công ty Cổ<br>Phần Sản Xuất<br>Tổng Hợp<br>Sunrise Việt<br>Nam<br><i>Sunrise Vietnam<br/>Production Joint<br/>Stock Company</i>  | -                                                                                | -                                                                                             | 0801279667                                                       | 15/02/2019                           | Sở KHĐT tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>                  | Lô CN11-CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br><i>Lot CN11 + CN12, An Dong<br/>Industrial Cluster, Nam Sach<br/>Commune, Hai Phong City,<br/>Vietnam</i>                                        | 15/02/2019                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty liên kết của<br>Công ty con<br><i>Associate of<br/>subsidiary</i>        |

| ST<br>T<br>No. | Tên Tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                                                                | Tài<br>khoản<br>chứng<br>khoán<br><i>Securiti<br/>es<br/>trading<br/>account</i> | Chức vụ tại<br>Công ty/Quan<br>hệ (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if<br/>any)</i> | Giấy NSH<br><i>Citizen ID/<br/>Business<br/>Registration No.</i> | Ngày cấp<br><i>Date of<br/>issue</i> | Nơi cấp<br><i>Place of issue</i>                                                                                        | Địa chỉ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                                                               | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br><i>Relationship with<br/>the Company</i> |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 16.            | Công ty Cổ<br>phần dịch vụ<br>xăng dầu An<br>Đông<br><i>An Dong<br/>Petroleum<br/>Service Joint<br/>Stock Company</i>                    | -                                                                                | -                                                                                             | 0801332007                                                       | 12/08/2020                           | Sở KHĐT tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>            | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 12/08/2020                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty liên kết của<br>Công ty con<br><i>Associate of<br/>subsidiary</i>        |
| 17.            | Công ty Cổ<br>phần Tập đoàn<br>An Phát<br>Holdings<br><i>An Phat<br/>Holdings Joint<br/>Stock Company</i>                                | -                                                                                | -                                                                                             | 0801210129                                                       | 31/03/2017                           | Sở Kế hoạch đầu<br>tư tỉnh Hải Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Lô CN11-CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br><i>Lot CN11 + CN12, An Dong<br/>Industrial Cluster, Nam Sach<br/>Commune, Hai Phong City,<br/>Vietnam</i>                                   | 31/03/2017                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty mẹ của cổ<br>đồng lớn<br><i>Parent company of<br/>major shareholders</i> |
| 18.            | Công ty CP<br>Nhựa An Phát<br>Xanh<br><i>An Phat<br/>Bioplastics Joint<br/>Stock Company</i>                                             | -                                                                                | -                                                                                             | 0800373586                                                       | 09/3/2007                            | Sở Kế hoạch đầu<br>tư tỉnh Hải Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Lô CN11-CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br><i>Lot CN11 + CN12, An Dong<br/>Industrial Cluster, Nam Sach<br/>Commune, Hai Phong City,<br/>Vietnam</i>                                   | 2009                                                                                                                |                                                                                                                     |                         | Cổ đồng lớn<br><i>Major shareholder</i>                                          |
| 19.            | Công ty Cổ<br>phần KCN kỹ<br>thuật cao An<br>Phát<br><i>An Phat High-<br/>Technology<br/>Industrial Park<br/>Joint Stock<br/>Company</i> | -                                                                                | -                                                                                             | 0801225485                                                       | 27/10/2017                           | Sở Kế hoạch đầu<br>tư tỉnh Hải Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 27/10/2017                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |
| 20.            | Công ty Cổ<br>phần KCN kỹ<br>thuật cao An<br>Phát 1<br><i>An Phat High-<br/>Tech Industrial<br/>Park No.1 Joint<br/>Stock Company</i>    | -                                                                                | -                                                                                             | 0801225485                                                       | 27/10/2017                           | Sở Kế hoạch đầu<br>tư tỉnh Hải Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | KCN An Phát 1, km72, Quốc<br>lộ 37, xã An Phú, thành phố<br>Hải Phòng, Việt Nam/<br><i>An Phat 1 Industrial Park, Km<br/>72, National Highway 37, An<br/>Phu Commune, Hai Phong<br/>City, Vietnam.</i>                  | 25/09/2019                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |

| ST<br>T<br>No. | Tên Tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                                                                             | Tài<br>khoản<br>chứng<br>khoán<br><i>Securiti<br/>es<br/>trading<br/>account</i> | Chức vụ tại<br>Công ty/Quan<br>hệ (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if<br/>any)</i> | Giấy NSH<br><i>Citizen ID/<br/>Business<br/>Registration No.</i> | Ngày cấp<br><i>Date of<br/>issue</i> | Nơi cấp<br><i>Place of issue</i>                                                                                              | Địa chỉ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                                                               | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br><i>Relationship with<br/>the Company</i> |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 21.            | Công ty Cổ<br>phần Nhựa Bao<br>bì An Vinh<br><i>An Vinh<br/>Packaging Joint<br/>Stock Company</i>                                                     | -                                                                                | -                                                                                             | 0801235451                                                       | 22/12/2017                           | Sở KHĐT tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>                  | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 07/2020                                                                                                             |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |
| 22.            | An Phat<br>International,<br>INC.                                                                                                                     | -                                                                                | -                                                                                             | 803302611                                                        | 26/04/2019                           | USA                                                                                                                           | Houston, USA                                                                                                                                                                                                            | 2021                                                                                                                |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |
| 23.            | AFC<br>Ecoplastics.,<br>LLC                                                                                                                           | -                                                                                | -                                                                                             | 803680617                                                        | 07/08/2020                           | USA                                                                                                                           | USA                                                                                                                                                                                                                     | 2021                                                                                                                |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |
| 24.            | Công ty Cổ<br>phần Nhựa Hà<br>Nội<br><i>Hanoi Plastics<br/>Joint Stock<br/>Company</i>                                                                | -                                                                                | -                                                                                             | 0100100858                                                       | 31/10/2008                           | Sở kế hoạch đầu tư<br>TP. Hà Nội<br><i>Ha Noi<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>                           | Tổ 12, Phường Phúc Lợi,<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br><i>Group 12, Phuc Loi Ward,<br/>Hanoi City, Vietnam</i>                                                                                                        | 12/2019                                                                                                             |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |
| 25.            | Công ty Cổ<br>phần Vật liệu<br>Xây Dựng Công<br>nghệ cao An<br>Cường<br><i>An Cuong High-<br/>Tech Building<br/>Materials Joint<br/>Stock Company</i> | -                                                                                | -                                                                                             | 0801238156                                                       | 09/01/2018                           | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 2020                                                                                                                |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |
| 26.            | Công ty TNHH<br>An Trung<br>Industries<br><i>An Trung<br/>Industries<br/>Company<br/>Limited</i>                                                      | -                                                                                | -                                                                                             | 0801246654                                                       | 28/03/2018                           | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 12/2019                                                                                                             |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>     |

| ST<br>T<br>No. | Tên Tổ chức/cá<br>nhân<br><i>Name of<br/>organization/in<br/>dividual</i>                                                                        | Tài<br>khoản<br>chứng<br>khoán<br><i>Securiti<br/>es<br/>trading<br/>account</i> | Chức vụ tại<br>Công ty/Quan<br>hệ (nếu có)<br><i>Position at the<br/>Company (if<br/>any)</i> | Giấy NSH<br><i>Citizen ID/<br/>Business<br/>Registration No.</i> | Ngày cấp<br><i>Date of<br/>issue</i> | Nơi cấp<br><i>Place of issue</i>                                                                                              | Địa chỉ<br><i>Address</i>                                                                                                                                                                                               | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br><i>Relationship with<br/>the Company</i>                                    |
|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 27.            | Công ty TNHH<br>Phát triển xuất<br>nhập khẩu và<br>đầu tư Viexim<br><i>Export Import<br/>Development<br/>Investment<br/>Company<br/>Limited</i>  | -                                                                                | -                                                                                             | 0900259855                                                       | 10/10/2006                           | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư tỉnh Hưng<br>Yên<br><i>Hung Yen<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>   | Thôn Hào, Xã Nguyễn Văn<br>Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt<br>Nam<br><i>Hao Village, Nguyen Van Linh<br/>Commune, Hung Yen Province,<br/>Vietnam</i>                                                                          | 12/2019                                                                                                             |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>                                        |
| 28.            | Ankor<br>Bioplastics Co.<br>Ltd.                                                                                                                 | -                                                                                | -                                                                                             | 2248156695                                                       | 17/12/2021                           | Wonju District Tax<br>Office                                                                                                  | 216, Munmakgongdan-gil,<br>Munmak-eup, Wonju-si,<br>Gangwon-do, Korea                                                                                                                                                   | 30/06/2023                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>                                        |
| 29.            | Công ty Cổ phần<br>Khu công nghiệp<br>Lương Điện Ngọc<br>Liên<br><i>Luong Dien<br/>Ngoc Lien<br/>Industrial Park<br/>Joint Stock<br/>Company</i> | -                                                                                | -                                                                                             | 0801334886                                                       | 28/09/2020                           | Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư tỉnh Hải<br>Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i> | Lô CN11 + CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br><i>Lot CN11 + CN12, An Dong<br/>Industrial Cluster, Nam Sach<br/>Commune, Hai Phong City,<br/>Vietnam</i>                                 | 16/10/2024                                                                                                          |                                                                                                                     |                         | Công ty con của cổ<br>đồng lớn<br><i>Subsidiary of major<br/>shareholder</i>                                        |
| 30.            | Công ty Cổ<br>phần Nhựa Bao<br>Bì Vinh<br><i>Vinh Plastic And<br/>Bags Joint Stock<br/>Company</i>                                               | -                                                                                | -                                                                                             | 2900531222                                                       | 03/01/2003                           | Sở KH&ĐT tỉnh<br>Nghệ An<br><i>Nghe An Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>                         | Số 18, đường Phong Định<br>Cảng, Phường Trường Vinh,<br>Tỉnh Nghệ An, Việt Nam<br><i>No. 18, Phong Dinh Cang<br/>Street, Truong Vinh Ward,<br/>Nghe An Province, Vietnam</i>                                            | 07/2007                                                                                                             |                                                                                                                     |                         | Công ty liên kết của<br>cổ đồng lớn<br><i>Associate of major<br/>shareholder</i>                                    |
| 31.            | Công ty Cổ<br>phần Anbio<br><i>Anbio Joint<br/>Stock Company</i>                                                                                 | -                                                                                | -                                                                                             | 0801313445                                                       | 07/01/2020                           | Sở kế hoạch đầu tư<br>tỉnh Hải Dương<br><i>Hai Duong<br/>Province<br/>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>       | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br><i>An Phat High-Tech Industrial<br/>Park, km 47, National Highway<br/>5, Viet Hoa Ward, Hai Phong<br/>City, Vietnam</i> | 2020                                                                                                                |                                                                                                                     |                         | Công ty cùng lãnh<br>đạo chủ chốt với Cổ<br>đồng lớn<br><i>Common key<br/>management with<br/>Major shareholder</i> |

**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                     | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company | Giấy NSH,<br>ngày cấp, nơi<br>cấp<br>Certificate of<br>Ownership<br>No. *, date of<br>issue, place<br>of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                           | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua<br>Resolution No. or Decision No.<br>approved by GMS/BOD                                                                                                                                                                                                                           | Nội dung, số lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | Công ty CP Nhựa An<br>Phát Xanh<br>An Phat Bioplastics<br>Joint Stock Company | Cổ đông lớn<br>Major shareholder                                         | 0800373586                                                                                                     | Lô CN11 + CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br>Lot CN11 + CN12, An Dong<br>Industrial Cluster, Nam Sach<br>Commune, Hai Phong City,<br>Vietnam                                 | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> . 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Doanh thu bán hàng và cung<br>cấp dịch vụ/ Sales and service<br>revenue: 38.598.112.248 đồng      |
| 2.         | Công ty CP Nhựa Bao<br>bì An Vinh<br>An Vinh Packaging<br>Joint Stock Company | Công ty con của cổ đông lớn<br>Subsidiary of major<br>shareholder        | 0801235451                                                                                                     | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial<br>Park, km 47, National<br>Highway 5, Viet Hoa Ward,<br>Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> . 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Doanh thu bán hàng và cung<br>cấp dịch vụ/ Sales and service<br>revenue: 4.925.195.000 đồng       |
| 3.         | Công ty CP Nhựa Hà<br>Nội<br>Hanoi Plastics Joint<br>Stock Company            | Công ty con của cổ đông lớn<br>Subsidiary of major<br>shareholder        | 0100100858                                                                                                     | Tổ 12, Phường Phúc Lợi,<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br>Group 12, Phuc Loi Ward,<br>Hanoi City, Vietnam                                                                                                      | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> . 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Doanh thu bán hàng và cung<br>cấp dịch vụ/ Sales and service<br>revenue: 306.163.000 đồng         |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                          | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company | Giấy NSH,<br>ngày cấp, nơi<br>cấp<br>Certificate of<br>Ownership<br>No. *, date of<br>issue, place<br>of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                           | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua<br>Resolution No. or Decision No.<br>approved by GMS/BOD                                                                                                                                                                                                                           | Nội dung, số lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.         | Công ty TNHH An<br>Trung Industries<br>An Trung Industries<br>Company Limited      | Công ty con của cổ đông lớn<br>Subsidiary of major<br>shareholder        | 0801246654                                                                                                     | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial<br>Park, km 47, National<br>Highway 5, Viet Hoa Ward,<br>Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Doanh thu bán hàng và cung<br>cấp dịch vụ/ Sales and service<br>revenue: 101.830.950 đồng         |
| 5.         | AFC EcoPlastics LLC                                                                | Công ty con của cổ đông lớn<br>Subsidiary of major<br>shareholder        | 803680617                                                                                                      | USA                                                                                                                                                                                                           | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Doanh thu bán hàng và cung<br>cấp dịch vụ/ Sales and service<br>revenue: 18.609.767.953 đồng      |
| 6.         | Công ty CP Tập đoàn<br>An Phát Holdings<br>An Phat Holdings Joint<br>Stock Company | Công ty mẹ của cổ đông lớn<br>Parent company of major<br>shareholders    | 0801210129                                                                                                     | Lô CN11 + CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br>Lot CN11 + CN12, An Dong<br>Industrial Cluster, Nam Sach<br>Commune, Hai Phong City,<br>Vietnam                                 | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 1.021.212.221 đồng                    |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                           | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company | Giấy NSH,<br>ngày cấp, nơi<br>cấp<br>Certificate of<br>Ownership<br>No. *, date of<br>issue, place<br>of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                           | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của<br>ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua<br>Resolution No. or Decision No.<br>approved by GMS/BOD                                                                                                                                                                                                                           | Nội dung, số lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.         | Công ty CP Nhựa An<br>Phát Xanh<br>An Phat Bioplastics<br>Joint Stock Company       | Cổ đông lớn<br>Major shareholder                                         | 0800373586                                                                                                     | Lô CN11 + CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br>Lot CN11 + CN12, An Dong<br>Industrial Cluster, Nam Sach<br>Commune, Hai Phong City,<br>Vietnam                                 | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 13.348.243.997 đồng                   |
| 8.         | Công ty CP An Thành<br>Bicsol<br>An Thanh Bicsol Joint<br>Stock Company             | Công ty con<br>Subsidiary                                                | 0801208793                                                                                                     | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial<br>Park, km 47, National<br>Highway 5, Viet Hoa Ward,<br>Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 28.834.690.279 đồng                   |
| 9.         | Công ty CP Liên vận<br>An Tín<br>An Tin Inter -<br>Transport Joint Stock<br>Company | Công ty con<br>Subsidiary                                                | 0801177672                                                                                                     | Lô CN11 + CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br>Lot CN11 + CN12, An Dong<br>Industrial Cluster, Nam Sach<br>Commune, Hai Phong City,<br>Vietnam                                 | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 78.032.223.392 đồng                   |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                     | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company | Giấy NSH,<br>ngày cấp, nơi<br>cấp<br>Certificate of<br>Ownership<br>No. *, date of<br>issue, place<br>of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                           | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của<br>ĐHĐCB/ HĐQT... thông qua<br>Resolution No. or Decision No.<br>approved by GMS/BOD                                                                                                                                                                                                                         | Nội dung, số lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10.        | An Thanh Bicsol<br>Singapore PTE. Ltd                                         | Công ty con<br>Subsidiary                                                | 201720061M                                                                                                     | Singapore                                                                                                                                                                                                     | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 4.025.944.704 đồng                    |
| 11.        | Công ty CP Nhựa Bao<br>bì An Vinh<br>An Vinh Packaging<br>Joint Stock Company | Công ty con của cổ đông lớn<br>Subsidiary of major<br>shareholder        | 0801235451                                                                                                     | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial<br>Park, km 47, National<br>Highway 5, Viet Hoa Ward,<br>Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 1.589.057.780 đồng                    |
| 12.        | Công ty CP Nhựa Hà<br>Nội<br>Hanoi Plastics Joint<br>Stock Company            | Công ty con của cổ đông lớn<br>Subsidiary of major<br>shareholder        | 0100100858                                                                                                     | Tổ 12, Phường Phúc Lợi,<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br>Group 12, Phuc Loi Ward,<br>Hanoi City, Vietnam                                                                                                      | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 102.600.000 đồng                      |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                                                        | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company | Giấy NSH,<br>ngày cấp, nơi<br>cấp<br>Certificate of<br>Ownership<br>No. *, date of<br>issue, place<br>of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address                                                                                                                                                           | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của<br>ĐHĐCB/ HĐQT... thông qua<br>Resolution No. or Decision No.<br>approved by GMS/BOD                                                                                                                                                                                                                         | Nội dung, số lượng, tổng giá<br>trị giao dịch<br>Content, quantity, total value<br>of transaction |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13.        | Công ty Cổ phần Dịch<br>vụ Suất ăn công nghiệp<br>An Phát<br>An Phat Catering<br>Services Joint Stock<br>Company | Công ty liên kết<br>Associate                                            | 0801352476                                                                                                     | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial<br>Park, km 47, National<br>Highway 5, Viet Hoa Ward,<br>Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch<br>vụ/Purchase of goods and<br>services: 161.879.000 đồng                      |
| 14.        | Công ty CP Liên vận<br>An Tín<br>An Tin Inter -<br>Transport Joint Stock<br>Company                              | Công ty con<br>Subsidiary                                                | 0801177672                                                                                                     | Lô CN11 + CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br>Lot CN11 + CN12, An Dong<br>Industrial Cluster, Nam Sach<br>Commune, Hai Phong City,<br>Vietnam                                 | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Cổ tức được chia/Dividends<br>received: 5.940.000.000 đồng                                        |
| 15.        | Công ty Cổ phần Dịch<br>vụ Suất ăn công nghiệp<br>An Phát<br>An Phat Catering<br>Services Joint Stock<br>Company | Công ty liên kết<br>Associate                                            | 0801352476                                                                                                     | Khu CN kỹ thuật cao An Phát,<br>km47, Quốc lộ 5, phường Việt<br>Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial<br>Park, km 47, National<br>Highway 5, Viet Hoa Ward,<br>Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>070102/2026/NQ - HĐQT ngày<br>07/01/2026 Vv Thông qua các giao<br>dịch giữa Công ty với các bên liên<br>quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No.<br>070102/2026/NQ - HĐQT dated<br>January 07 <sup>th</sup> 2026 Approval of<br>transactions between the Company<br>and related parties arising in 2026 | Cổ tức được chia/Dividends<br>received: 1.000.000.000 đồng                                        |
| 16.        | Công ty CP Nhựa An<br>Phát Xanh<br>An Phat Bioplastics<br>Joint Stock Company                                    | Cổ đông lớn<br>Major shareholder                                         | 0800373586                                                                                                     | Lô CN11 + CN12, cụm CN An<br>Đông, xã Nam Sách, TP. Hải<br>Phòng, Việt Nam<br>Lot CN11 + CN12, An Dong<br>Industrial Cluster, Nam Sach<br>Commune, Hai Phong City,<br>Vietnam                                 | 6 tháng đầu<br>năm 2026<br>The first 6<br>months of 2026                                | Nghị quyết HĐQT số<br>290502/2026/NQ - HĐQT ngày<br>29/05/2026 Vv Thực hiện chi trả cổ<br>tức năm 2025 bằng tiền<br>BOD's Resolution No.<br>290502/2026/NQ - HĐQT dated May<br>29 <sup>th</sup> 2026 Approval of the<br>implementation of the 2025 cash<br>dividend payment                                                                | Chia cổ tức/ Dividend payment:<br>9.966.617.400 đồng                                              |

3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:** Không có

*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: None*

4. **Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác**

*Transactions between the Company and other objects*

- 4.1. Giao dịch giữa công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                             | Mối quan hệ với Người nội bộ<br>Relationship with the Internal persons of the Company                                                                                 | Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp<br>Owner's ID No. *, date of issue, place of issue                                                                              | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                                                                                            | Thời điểm giao dịch<br>Time of transactions with the Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua<br>Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD                                                                                                                                                                                                          | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch<br>Content, quantity, total value of transaction |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Công ty Cổ Phần An Thành Bicsol (ATT)<br>An Thanh Bicsol Joint Stock Company (ATT) | Ông Ngô Văn Thụ (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc HII) hiện là Chủ tịch HĐQT tại ATT<br>Mr. Ngo Van Thu (BOD's Member cum CEO of HII) is currently Chairman of ATT. | 0801208793 cấp lần đầu ngày 22/3/2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương<br>0801208793 issued for the first time on 22/3/2017 by the DPI of Hai Duong | Khu CN kỹ thuật cao An Phát, km47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial Park, km 47, National Highway 5, Viet Hoa Ward, Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu năm 2026<br>The first 6 months of 2026           | Nghị quyết HĐQT số 070102/2026/NQ - HĐQT ngày 07/01/2026 Vv Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No. 070102/2026/NQ - HĐQT dated January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of transactions between the Company and related parties arising in 2026 | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services: 28.834.690.279 đồng                   |
| 2       | Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (NHH)<br>Hanoi Plastics Joint Stock Company (NHH)      | 1. Ông Ngô Văn Thụ (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc HII) hiện là Tổng Giám đốc NHH/Mr. Ngo Van Thu (BOD's Member cum CEO of HII) is currently CEO of NHH           | 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/10/2008<br>0100100858 issued by the DPI of Hanoi for the first time on 31/10/2008        | Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam<br>Group 12, Phuc Loi Ward, Hanoi City, Vietnam                                                                                             | 6 tháng đầu năm 2026<br>The first 6 months of 2026           | Nghị quyết HĐQT số 070102/2026/NQ - HĐQT ngày 07/01/2026 Vv Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No. 070102/2026/NQ - HĐQT dated January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of transactions between the Company and related parties arising in 2026 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Sales and service revenue: 306.163.000 đồng         |
|         |                                                                                    | 2. Bà Đỗ Thảo Quyên (Thành viên BKS) hiện là Thành viên BKS NHH/Ms. Do Thao Quyen (BOS's member) is currently BOS's member of NHH                                     |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services: 102.600.000 đồng                      |

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                              | Mối quan hệ với Người nội bộ<br>Relationship with the Internal persons of the Company                                                                       | Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp<br>Owner's ID No. *, date of issue, place of issue                                                                               | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                                                                                            | Thời điểm giao dịch<br>Time of transactions with the Company | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua<br>Resolution No. or Decision No. approved by GMS/BOD                                                                                                                                                                                                         | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch<br>Content, quantity, total value of transaction |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3       | Công ty TNHH An Trung Industries (ATI)<br>An Trung Industries Company Limited (ATI) | Ông Ngô Văn Thụ (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc HII) hiện là Chủ tịch ATI<br>Mr. Ngo Van Thu (BOD's Member cum CEO of HII) is currently Chairman of ATI | 0801246654 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 28/03/2018<br>0801246654 issued by the DPI of Hai Duong for the first time on 28/03/2018 | Khu CN kỹ thuật cao An Phát, km47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, TP. Hải Phòng, Việt Nam<br>An Phat High-Tech Industrial Park, km 47, National Highway 5, Viet Hoa Ward, Hai Phong City, Vietnam | 6 tháng đầu năm 2026<br>The first 6 months of 2026           | Nghị quyết HĐQT số 070102/2026/NQ - HĐQT ngày 07/01/2026 Vv Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2026<br>BOD's Resolution No. 070102/2026/NQ - HĐQT dated January 07 <sup>th</sup> , 2026 Approval of transactions between the Company and related parties arising in 2026 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Sales and service revenue: 101.830.950 đồng         |

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành: Không có

*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): None*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành: Không có

*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: None*

## VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/Share transactions of internal persons and their affiliated persons

### 1. Danh sách người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

#### *The list of internal persons and their affiliated persons*

Lưu ý: (\*) Số lượng cổ phiếu sở hữu căn cứ theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập ngày 15/06/2026 và các báo cáo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (nếu có).

Note: (\*) The number of shares owned is based on the shareholder list prepared by the Vietnam Securities Depository and Clearing Center on June 15<sup>th</sup>, 2026, and the stock transaction reports of insiders and their related parties (if any).

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name        | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/comp any | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) |
|---------|------------|--------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                  | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                           | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                              |
| 1       | HII        | Nguyễn Trung Kiên  |                                                      | Chủ tịch HĐQT/ Chairman                                       |                                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 1.01    | HII        | Nguyễn Văn Thắng   |                                                      |                                                               | Bố/Father                                                                   | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 1.02    | HII        | Lê Thị Tân         |                                                      |                                                               | Mẹ/Mother                                                                   | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 1.03    | HII        | Hồ Thị Xuân Hương  |                                                      |                                                               | Mẹ vợ/ Mother in law                                                        | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 1.04    | HII        | Phạm Thế Nghĩa     |                                                      |                                                               | Bố vợ/ Father in law                                                        | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 1.05    | HII        | Nguyễn Trung Thành |                                                      |                                                               | Anh/Brother                                                                 | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 1.06    | HII        | Nguyễn Thành Công  |                                                      |                                                               | Anh/Brother                                                                 | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name                                                                                        | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registrati on) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registratio n No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**)<br>Note |
|---------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                                                                                                  | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                            |                                                 |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                      |
| 1.07    | HII        | Phạm Diệu Lý                                                                                       |                                                      |                                                               | Vợ/Wife                                                                    | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 1.08    | HII        | Nguyễn Minh Đức                                                                                    |                                                      |                                                               | Con trai/Son                                                               |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card       |
| 1.09    | HII        | Nguyễn Minh Ngọc                                                                                   |                                                      |                                                               | Con gái/Daughter                                                           |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card       |
| 1.10    | HII        | Công ty CP Nhựa Bao Bì Vinh<br>Vinh Plastic And Bags Joint Stock Company                           |                                                      |                                                               | Thành viên HĐQT/ BOD's member                                              | ĐKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 20/03/2020                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 1.11    | HII        | Công ty CP KCN kỹ thuật cao An Phát<br>An Phat High-Technology Industrial Park Joint Stock Company |                                                      |                                                               | Thành viên HĐQT/ BOD's member                                              | ĐKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 11/2021                                                                                           |                                                                                                   |                                                                         |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name                                                                                                   | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registrati on) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registratio n No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                                                                                                             | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                            |                                                 |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                   |
| 1.12    | HII        | Công ty CP KCN kỹ thuật cao An Phát 1 An Phat High-Tech Industrial Park No.1 Joint Stock Company              |                                                      |                                                               | Thành viên HĐQT/ BOD's member                                              | ĐKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 09/2021                                                                                           |                                                                                                   |                                                                      |
| 1.13    | HII        | Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Lương Điện Ngọc Liên Luong Dien Ngoc Lien Industrial Park Joint Stock Company |                                                      |                                                               | Phó Chủ tịch HĐQT/ Deputy Chairman                                         | ĐKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 21/06/2024                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 2       | HII        | Ngô Văn Thụ                                                                                                   |                                                      | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc/ BOD's member cum CEO      |                                                                            | CCCD/Ci tizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 32.500                                                                     | 0,04                                      | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 2.01    | HII        | Ngô Văn Vuôn                                                                                                  |                                                      |                                                               | Bố ruột/Father                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name    | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/comp any | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registrati on) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registratio n No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/NNB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|----------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3              | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                           | 7                                                                                            |                                                 |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                               | 17                                                                   |
| 2.02    | HIII       | Nguyễn Thị Huế |                                                      |                                                               | Vợ/Wife                                                                     | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                  |                                                                      |
| 2.03    | HIII       | Ngô Anh Duy    |                                                      |                                                               | Con trai/Son                                                                |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                  | Còn nhớ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card    |
| 2.04    | HIII       | Ngô Tuệ Lâm    |                                                      |                                                               | Con gái/Daughter                                                            |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                  | Còn nhớ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card    |
| 2.05    | HIII       | Ngô Tuệ Mẫn    |                                                      |                                                               | Con gái/Daughter                                                            |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                  | Còn nhớ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card    |
| 2.06    | HIII       | Ngô Văn Thìn   |                                                      |                                                               | Em trai/Brother                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                  |                                                                      |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name                                                    | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration No.) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                                                              | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                   |
| 2.07    | HII        | Ngô Thị Thùy                                                   |                                                      |                                                               | Em gái/Sister                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 2.08    | HII        | Dương Văn Trường                                               |                                                      |                                                               | Em rể/Brother in law                                                       | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 2.09    | HII        | Vũ Thị Hương                                                   |                                                      |                                                               | Em dâu/Sister in law                                                       | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/05/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 2.10    | HII        | Công ty CP An Thành Bicsol An Thanh Bicsol Joint Stock Company |                                                      |                                                               | Chủ tịch HĐQT/ BOD's Chairman                                              | ĐKKD/ Business Registration                                                                 |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 15/07/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name                                                                                                    | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ DKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registrati on) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registratio n No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/NNB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**)<br>Note |
|---------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                                                                                                              | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                            |                                                 |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                               | 17                                                                      |
| 2.11    | HII        | Công ty TNHH An Trung Industries An Trung Industries Company Limited                                           |                                                      |                                                               | Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty/ President cum CEO                     | DKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 10/10/2023                                                                                        |                                                                                                  |                                                                         |
| 2.12    | HII        | Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM Export Import Development Investment Company Limited |                                                      |                                                               | Chủ tịch Công ty/ President                                                | DKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 10/10/2023                                                                                        |                                                                                                  |                                                                         |
| 2.13    | HII        | Công ty CP Nhựa Hà Nội Hanoi Plastics Joint Stock Company                                                      |                                                      |                                                               | Thành viên HĐQT kiêm TGD/ BOD's member cum CEO                             | DKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/06/2023                                                                                        |                                                                                                  |                                                                         |
| 3       | HII        | Hoàng Văn Vinh                                                                                                 |                                                      | Thành viên độc lập HĐQT/ Independent member of BOD            |                                                                            | Hộ chiếu/ Passport                                                                           |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                  |                                                                         |
| 3.01    | HII        | Hoàng Văn Quang                                                                                                |                                                      |                                                               | Bố đẻ/ Father                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                  |                                                                         |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name       | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|-------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                 | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                   |
| 3.02    | HII        | Nguyễn Thị Khuyên |                                                      |                                                               | Mẹ đẻ/ Mother                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 3.03    | HII        | Linh Thị Lan Anh  |                                                      |                                                               | Vợ/ Wife                                                                   | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 3.04    | HII        | Hoàng Trung Hải   |                                                      |                                                               | Con trai/ Son                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/ Still young and not yet issued ID card   |
| 3.05    | HII        | Hoàng Văn Quý     |                                                      |                                                               | Em ruột/ Brother                                                           | Mã số định danh/ Citizen ID                                                                 |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/ Still young and not yet issued ID card   |
| 3.06    | HII        | Linh Duy Truật    |                                                      |                                                               | Bố vợ/ Father in law                                                       | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name       | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)                                | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/NNB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có sổ Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note                                                            |
|---------|------------|-------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                 | 4                                                    | 5                                                                                            | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                               | 17                                                                                                                              |
| 3.07    | HII        | Nguyễn Thị Thu Hà |                                                      |                                                                                              | Mẹ vợ/Mother in law                                                        | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                  |                                                                                                                                 |
| 4       | HII        | Nguyễn Diệu Linh  |                                                      | Trưởng BKS, Người phụ trách kiểm toán nội bộ Head of BOS, Person in charge of Internal Audit |                                                                            | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                  | Bổ nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ từ 23/04/2026 Appointed of the Person in charge of Internal Audit from April 23, 2026 |
| 4.01    | HII        | Nguyễn Đức Thuận  |                                                      |                                                                                              | Bố ruột/Father                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                  |                                                                                                                                 |
| 4.02    | HII        | Bùi Cẩm Thi       |                                                      |                                                                                              | Mẹ ruột/Mother                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                  |                                                                                                                                 |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name          | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**)<br>Note |
|---------|------------|----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                    | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                      |
| 4.03    | HII        | Nguyễn Hoài Giang    |                                                      |                                                               | Chị ruột/Sister                                                            | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 4.04    | HII        | Lê Minh              |                                                      |                                                               | Chồng/Husband                                                              | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 4.05    | HII        | Lê Viết Trung        |                                                      |                                                               | Bố chồng/Father in law                                                     | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 4.06    | HII        | Trần Thị Thanh Hương |                                                      |                                                               | Mẹ chồng/Mother in law                                                     | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 4.07    | HII        | Lê Mây               |                                                      |                                                               | Con gái/Daughter                                                           |                                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 28/04/2021                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card       |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name       | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ DKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration No.) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) |
|---------|------------|-------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                 | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                              |
| 5       | HII        | Nguyễn Thủy Nga   |                                                      | Thành viên BKS/ BOS's member                                  |                                                                            | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 5.01    | HII        | Nguyễn Hùng Cường |                                                      |                                                               | Bố đẻ/ Father                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 5.02    | HII        | Chu Thị Thủy      |                                                      |                                                               | Mẹ đẻ/ Mother                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 5.03    | HII        | Nguyễn Việt Nhân  |                                                      |                                                               | Bố chồng/ Father in law                                                    | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 5.04    | HII        | Phạm Thị Sê       |                                                      |                                                               | Mẹ chồng/ Mother in law                                                    | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |
| 5.05    | HII        | Nguyễn Mạnh Hưng  |                                                      |                                                               | Chồng/ Husband                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                 |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name           | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (***) Note |
|---------|------------|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                     | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                    |
| 5.06    | HII        | Nguyễn Ngọc Minh Châu |                                                      |                                                               | Con gái/Daughter                                                           |                                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card     |
| 6       | HII        | Đỗ Thảo Quyền         |                                                      | Thành viên BKS/ BOS's member                                  |                                                                            | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                       |
| 6.01    | HII        | Đỗ Đức Thiện          |                                                      |                                                               | Bố đẻ/ Father                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                       |
| 6.02    | HII        | Nguyễn Thị Huyền      |                                                      |                                                               | Mẹ đẻ/ Mother                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                       |
| 6.03    | HII        | Đỗ Thùy Dương         |                                                      |                                                               | Em gái/Sister                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                       |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name                                               | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)                       | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/comp any | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registrati on) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registratio n No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                                                         | 4                                                    | 5                                                                                   | 6                                                                           | 7                                                                                            |                                                 |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                   |
| 6.04    | HII        | Đỗ Đức Duy                                                |                                                      |                                                                                     | Em trai/Brother                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 6.05    | HII        | Công ty CP Nhựa Hà Nội Hanoi Plastics Joint Stock Company |                                                      | Người nội bộ là Thành viên BKS/ Insider is a BOS's member                           |                                                                             | DKKD/ Business Registrati on                                                                 |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 7       | HII        | Nguyễn Thị Liên                                           |                                                      | Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh/ Deputy CEO in charge of Business Operations |                                                                             | CCCD/Ci tizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 7.01    | HII        | Nguyễn Ngọc Đông                                          |                                                      |                                                                                     | Bố đẻ/ Father                                                               | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 7.02    | HII        | Lê Thị Bặc                                                |                                                      |                                                                                     | Mẹ đẻ/ Mother                                                               | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 7.03    | HII        | Nguyễn Ngọc Tường Vy                                      |                                                      |                                                                                     | Con gái/ Daughter                                                           | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name           | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/comp any | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registrati on) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registratio n No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                     | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                           | 7                                                                                            |                                                 |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                   |
| 7.04    | HII        | Nguyễn Ngọc Tường Vân |                                                      |                                                               | Con gái/ Daughter                                                           |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card    |
| 7.05    | HII        | Nguyễn Thị Bích       |                                                      |                                                               | Chị gái/ Sister                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 7.06    | HII        | Nguyễn Ngọc Chính     |                                                      |                                                               | Anh rể/ Brother in law                                                      | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 7.07    | HII        | Nguyễn Ngọc Huỳnh     |                                                      |                                                               | Em trai/ Brother                                                            | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 01/10/2025                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 8       | HII        | Nguyễn Thị Thu Nhân   |                                                      | Kế toán trưởng/ Chief Accountant                              |                                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 8.01    | HII        | Nguyễn Ngọc Bằng      |                                                      |                                                               | Bố ruột/ Father                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 8.02    | HII        | Vương Thị Thanh       |                                                      |                                                               | Mẹ ruột/ Mother                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name           | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/comp any | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ DKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**)<br>Note |
|---------|------------|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                     | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                           | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                      |
| 8.03    | HII        | Đào Bá Ngọc           |                                                      |                                                               | Chồng/ Husband                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 8.04    | HII        | Nguyễn Thị Thủy Vân   |                                                      |                                                               | Chị gái/Sister                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 8.05    | HII        | Nguyễn Thị Kim Thoa   |                                                      |                                                               | Chị gái/Sister                                                              | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 8.06    | HII        | Nguyễn Thị Hồng Giang |                                                      |                                                               | Chị gái/Sister                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 8.07    | HII        | Nguyễn Thị Thu Hà     |                                                      |                                                               | Chị gái/Sister                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 8.08    | HII        | Nguyễn Thị Bích Hương |                                                      |                                                               | Chị gái/Sister                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 8.09    | HII        | Nguyễn Thành Đạt      |                                                      |                                                               | Em trai/Brother                                                             | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name         | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/comp any | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registrati on) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registratio n No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/NNB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|---------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                   | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                           | 7                                                                                            |                                                 |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                               | 17                                                                   |
| 8.10    | HII        | Nguyễn Minh Thủy    |                                                      |                                                               | Anh rể/Brother in law                                                       | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                  |                                                                      |
| 8.11    | HII        | Trịnh Ngọc Thuận    |                                                      |                                                               | Anh rể/Brother in law                                                       | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                  |                                                                      |
| 8.12    | HII        | Nguyễn Thế Dung     |                                                      |                                                               | Anh rể/Brother in law                                                       | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                  |                                                                      |
| 8.13    | HII        | Tạ Thị Thân         |                                                      |                                                               | Mẹ chồng/ Mother in law                                                     | CCCD/ Citizen ID                                                                             |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                  |                                                                      |
| 8.14    | HII        | Đào Nguyễn Anh Minh |                                                      |                                                               | Con/ Daughter                                                               |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                  | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card    |
| 8.15    | HII        | Đào Nguyễn Khánh An |                                                      |                                                               | Con/ Daughter                                                               |                                                                                              |                                                 |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 25/04/2017                                                                                        |                                                                                                  | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card    |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name         | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)                                                                | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ ĐKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**)<br>Note |
|---------|------------|---------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                   | 4                                                    | 5                                                                                                                            | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                      |
| 9       | HII        | Dương Huy Bình      |                                                      | Người được ủy quyền CBTT, Phụ trách quản trị Công ty/Authorized Disclosure Officer, Person in charge of corporate governance |                                                                            | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 9.01    | HII        | Ngô Thị Thức        |                                                      |                                                                                                                              | Mẹ đẻ/ Mother                                                              | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 9.02    | HII        | Đình Gia Hoàng      |                                                      |                                                                                                                              | Bố vợ/ Father in law                                                       | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 9.03    | HII        | Bùi Thị Duyên       |                                                      |                                                                                                                              | Mẹ vợ/ Mother in law                                                       | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 9.04    | HII        | Đình Thị Lan Anh    |                                                      |                                                                                                                              | Vợ/ Wife                                                                   | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                         |
| 9.05    | HII        | Dương Huy Hồng Minh |                                                      |                                                                                                                              | Con trai/ Son                                                              |                                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/ Still young and not yet issued ID card      |

| Stt No. | Mã CK Code | Họ tên Name         | TK GDCK (nếu có) Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any) | Mối quan hệ đối với công ty/ NBB Relationship with internal person/company | Loại hình (*) (CMND/ Passport/ BKKD) Type (Citizen ID/ Passport/ Business Registration) (*) | Giấy NSH Owner's ID/ Business Registration No. | Ngày cấp Date of issue | Nơi cấp Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ NBB Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ NBB Time of ending to be affiliated person | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) (**) Note |
|---------|------------|---------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1       | 2          | 3                   | 4                                                    | 5                                                             | 6                                                                          | 7                                                                                           |                                                |                        |                        |                                               | 12                                                                         | 13                                        | 14                                                                                                | 15                                                                                                | 17                                                                   |
| 9.06    | HII        | Dương Ngọc Minh Anh |                                                      |                                                               | Con/ Daughter                                                              |                                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   | Còn nhỏ chưa được cấp CCCD/Still young and not yet issued ID card    |
| 9.07    | HII        | Dương Thiên Thanh   |                                                      |                                                               | Chị ruột/Sister                                                            | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 9.08    | HII        | Dương Thu Hương     |                                                      |                                                               | Chị ruột/Sister                                                            | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 9.09    | HII        | Dương Việt Anh      |                                                      |                                                               | Chị ruột/Sister                                                            | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 9.10    | HII        | Dương Huy Thành     |                                                      |                                                               | Anh ruột/Brother                                                           | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 9.11    | HII        | Nguyễn Phú Yên      |                                                      |                                                               | Anh rể/Brother in law                                                      | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 9.12    | HII        | Trần Quốc Dũng      |                                                      |                                                               | Anh rể/Brother in law                                                      | CCCD/Citizen ID                                                                             |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 9.13    | HII        | Bùi Đức Hải         |                                                      |                                                               | Anh rể/Brother in law                                                      | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |
| 9.14    | HII        | Trần Thị Thu Hằng   |                                                      |                                                               | Chị dâu/Sister in law                                                      | CCCD/ Citizen ID                                                                            |                                                |                        |                        |                                               | 0                                                                          | 0                                         | 05/04/2022                                                                                        |                                                                                                   |                                                                      |

**2. Giao dịch của người nội bộ và người liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:**

*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:*

| STT<br>No. | Người thực hiện<br>giao dịch<br><i>Transaction<br/>executor</i> | Mối quan hệ với<br>Công ty hoặc mối<br>quan hệ với người<br>nội bộ<br><i>Relationship with the<br/>Company or<br/>Relationship with the<br/>internal persons</i> | Thời gian<br>thực hiện giao<br>dịch<br><i>Time of<br/>transactions</i>   | Số cổ phiếu<br>sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares at the<br/>beginning of the period</i> |                                | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares<br/>owned at the end of the<br/>period</i> |                                | Lý do tăng,<br>giảm <i>Reasons<br/>for increasing,<br/>decreasing</i>                                         | Ghi chú<br><i>Note</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                 |                                                                                                                                                                  |                                                                          | Số cổ<br>phiếu<br><i>Number<br/>of shares</i>                                              | Tỷ lệ (%)<br><i>Percentage</i> | Số cổ<br>phiếu<br><i>Number<br/>of shares</i>                                                   | Tỷ lệ (%)<br><i>Percentage</i> |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 1          | Ông Ngô Văn Thụ<br><i>Mr. Ngo Van Thu</i>                       | Thành viên HĐQT<br>kiêm Tổng giám đốc<br><i>BOD's member cum<br/>CEO</i>                                                                                         | từ ngày/ <i>from</i><br>01/01/2026<br>đến ngày/ <i>to</i><br>30/06/2026. | 0                                                                                          | 0%                             | 32.200                                                                                          | 0,04%                          | Giao dịch<br>khớp lệnh trên<br>thị trường<br><i>The order<br/>matching<br/>method in the<br/>stock market</i> | Tại thời điểm 01/01/2026, ông Ngô Văn Thụ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty sở hữu 0 cổ phiếu (0%). Theo thông tin cung cấp của người nội bộ, trong 6 tháng đầu năm 2026, ông Ngô Văn Thụ đã thực hiện giao dịch cổ phiếu HII, các giao dịch đều nằm dưới ngưỡng phải công bố thông tin theo quy định Điều 33 Thông tư 96. Tại thời điểm 30/06/2026, số cổ phiếu HII mà ông Ngô Văn Thụ sở hữu là 32.200 cổ phiếu đạt tỷ lệ 0,04%.<br><i>As of January 1, 2026, Mr. Ngo Van Thu, a member of the Board of Directors and General Director of the Company, owned 0 shares (0%). According to information provided by him, in the first six months of 2026, Mr. Ngo Van Thu conducted transactions in HII shares, all of which were below the disclosure threshold stipulated in Article 33 of Circular 96. As of June 30, 2026, Mr. Ngo Van Thu owned 32,200 HII shares, representing 0.04%.</i> |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác**

***Other significant issues***

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty thông qua nhiều chính sách quan trọng trong chiến lược phát triển, thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt, thực hiện công bố thông tin đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

*Successfully organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders, the Company approved many important policies in the development strategy, paid 2025 dividends in cash, and made information disclosure to ensure compliance with legal regulations.*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

